

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Dĩnh	Phó chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Phạm Thanh Minh	Ủy viên
Ông Hồ Khả Thịnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Bốn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

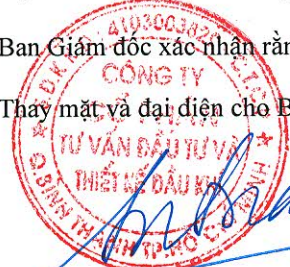
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Số: 252 /2011 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") từ trang 3 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0138/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0401/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.730.895.145	196.550.555.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	101.564.384.504	42.270.291.351
1. Tiền	111		48.683.492.044	42.270.291.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.880.892.460	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.033.742.209
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	6.033.742.209
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.193.872.654	59.215.408.045
1. Phải thu khách hàng	131		10.913.480.517	17.940.256.020
2. Trả trước cho người bán	132		2.445.397.303	1.965.006.378
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		115.942.080.923	34.795.559.653
4. Các khoản phải thu khác	135		5.085.758.730	4.942.636.494
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192.844.819)	(428.050.500)
IV. Hàng tồn kho	140	6	24.292.280.792	78.787.606.953
1. Hàng tồn kho	141		24.292.280.792	78.787.606.953
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.680.357.195	10.243.506.609
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.203.338.679	403.421.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.757.226.030	3.287.711.217
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.246.029.906	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.473.762.580	6.552.374.272
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.570.758.516	42.244.618.117
I. Tài sản cố định	220		11.979.824.437	10.009.737.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	7.917.962.394	7.444.736.087
- Nguyên giá	222		33.235.474.055	30.205.608.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.317.511.661)	(22.760.872.458)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	4.061.862.043	2.511.746.113
- Nguyên giá	228		6.083.871.388	3.915.849.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.022.009.345)	(1.404.103.271)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	53.255.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	77.435.732.547	27.611.394.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		77.435.732.547	27.611.394.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.155.201.532	4.623.486.917
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.155.201.532	1.297.738.233
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	3.325.748.684
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		370.301.653.661	238.795.173.284

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		267.610.909.938	137.923.218.193
I. Nợ ngắn hạn	310		261.496.621.733	132.663.433.122
1. Phải trả người bán	312		24.963.169.731	22.088.541.894
2. Người mua trả tiền trước	313		61.280.416.235	42.240.999.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	3.752.517.657	3.061.214.222
4. Phải trả người lao động	315		40.149.764.595	19.636.971.829
5. Chi phí phải trả	316		86.049.010.795	17.933.312.181
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		30.091.064.315	19.224.124.928
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	12	12.044.443.591	6.695.195.873
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.166.234.814	1.783.072.825
II. Nợ dài hạn	330		6.114.288.205	5.259.785.071
1. Phải trả dài hạn khác	333		137.050.000	137.050.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	13	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		977.238.205	122.735.071
B. NGUỒN VỐN	400		102.690.743.723	100.871.955.091
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	102.690.743.723	100.871.955.091
1. Vốn điều lệ	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		353.718.415	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.609.545.812	1.600.295.812
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(1.223.963.195)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		109.330	(29.507.454)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.750.644.717	3.246.474.232
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.741.121.322	2.236.950.837
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.235.604.127	15.041.704.859
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		370.301.653.661	238.795.173.284



Bùi Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		416.615.960.612	301.747.782.574
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(6.103.870)
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		416.615.960.612	301.741.678.704
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(353.437.626.578)	(260.869.021.518)
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		63.178.334.034	40.872.657.186
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	4.452.074.206	5.649.498.413
7. Chi phí tài chính	22	16	(1.202.508.031)	(1.398.741.459)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(40.382.235.449)	(28.549.355.207)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.045.664.760	16.574.058.933
10. Thu nhập khác	31		747.188.824	1.444.361.999
11. Chi phí khác	32		(523.366.190)	(475.431.682)
12. Lợi nhuận khác	40	17	223.822.634	968.930.317
13. Lợi nhuận trước thuế	50		26.269.487.394	17.542.989.250
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	(3.233.883.267)	(2.828.040.059)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		23.035.604.127	14.714.949.191
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	2.887	2.878



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.269.487.394	17.542.989.250
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.801.970.039	1.671.535.119
Các khoản dự phòng	03	(235.205.681)	(1.960.462.858)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.802.266.572)	(2.229.520.499)
Chi phí lãi vay	06	901.896.211	-
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.935.881.391	15.024.541.012
Tăng các khoản phải thu	09	(77.645.918.504)	(34.180.276.154)
Giảm hàng tồn kho	10	54.495.326.161	25.468.540.861
Tăng các khoản phải trả	11	115.172.000.698	2.745.441.947
Tăng chi phí trả trước	12	(657.380.858)	(1.263.412.292)
Tiền lãi vay đã trả	13	(901.896.211)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.676.303.809)	(1.786.228.077)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.408.893.995)	(1.673.508.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	110.312.814.873	4.335.098.600
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.651.209.783)	(4.402.115.138)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	32.727.272	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(6.033.742.209)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.033.742.209	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(45.379.338.547)	(27.611.394.000)
6. Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	324.705.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	2.554.511.802	2.121.285.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(42.409.567.047)	(35.601.260.848)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.577.681.610	45.000.000.000
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(10.169.681.400)	(4.141.440.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.591.999.790)	40.858.560.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	59.311.248.036	9.592.397.752
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	42.270.291.351	32.660.629.386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(17.154.883)	17.264.213
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	101.564.384.504	42.270.291.351

Thông tin bổ sung về các nghiệp vụ phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định không bao gồm 5.651.209.783 đồng (năm 2009: 0 đồng) giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍ

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

Trong năm, một phần tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác với số tiền là 4.445.000.000 đồng (năm 2009: 0 đồng) được thanh toán bù trừ với khoản phải trả cho cổ đông của công ty khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, một phần cổ tức chia cho các cổ đông với số tiền là 10.171.758.600 đồng (năm 2009: 0 đồng) chưa thanh toán cho các cổ đông. Theo đó, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 8 năm 2010. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Theo Nghị quyết 1894/NQ-DKVN ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 589 người (năm 2009: 450 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán).
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp $\leq 22KV$, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Ban Giám đốc Công ty quyết định phân loại lại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhằm mục đích so sánh với số liệu của năm nay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của Nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số Năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tám năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍ

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong năm.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	9.475.259.161	1.482.516.701
Tiền gửi ngân hàng	39.208.232.883	40.787.774.650
Các khoản tương đương tiền	52.880.892.460	-
	<u>101.564.384.504</u>	<u>42.270.291.351</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các khoản tiền gửi kỳ hạn bằng Việt Nam đồng tại các ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 3 tháng và lãi suất từ 12% đến 14% một năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	110.372.009	1.683.163.719
Công cụ, dụng cụ	228.432.896	209.407.585
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.953.475.887	76.895.035.649
	<u>24.292.280.792</u>	<u>78.787.606.953</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	5.393.779.746	16.193.542.778	3.640.675.420	4.977.610.601	30.205.608.545
Tăng trong năm	-	1.796.531.818	774.959.233	923.142.728	3.494.633.779
Tăng khác	2.324.336.309	83.650.000	-	-	2.407.986.309
Thanh lý, nhượng bán	-	(48.732.000)	-	-	(48.732.000)
Giảm khác	(2.740.372.578)	-	(83.650.000)	-	(2.824.022.578)
Tại ngày 31/12/2010	<u>4.977.743.477</u>	<u>18.024.992.596</u>	<u>4.331.984.653</u>	<u>5.900.753.329</u>	<u>33.235.474.055</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	2.556.052.835	13.425.155.858	(2.525.488.383)	4.254.175.382	22.760.872.458
Khấu hao trong năm	591.342.982	977.980.089	(369.152.815)	245.588.079	2.184.063.965
Tăng khác	842.957.893	115.000.000	-	-	957.957.893
Thanh lý, nhượng bán	-	(38.537.276)	-	-	(38.537.276)
Giảm khác	(431.845.379)	-	(115.000.000)	-	(546.845.379)
Tại ngày 31/12/2010	<u>3.558.508.331</u>	<u>14.479.598.671</u>	<u>2.779.641.198</u>	<u>4.499.763.461</u>	<u>25.317.511.661</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.419.235.146</u>	<u>3.545.393.925</u>	<u>1.552.343.455</u>	<u>1.400.989.868</u>	<u>7.917.962.394</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.837.726.911</u>	<u>2.768.386.920</u>	<u>1.115.187.037</u>	<u>723.435.219</u>	<u>7.444.736.087</u>

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 549.522.480 đồng, 9.762.201.982 đồng, 3.905.856.488 đồng và 1.616.409.222 đồng (năm 2009: 493.571.101 đồng, 9.461.297.905 đồng, 3.477.998.714 đồng và 1.616.409.222 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2010	3.915.849.384
Tăng trong năm	2.168.022.004
Tại ngày 31/12/2010	<u>6.083.871.388</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2010	1.404.103.271
Khấu hao trong năm	617.906.074
Tại ngày 31/12/2010	<u>2.022.009.345</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	<u>4.061.862.043</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.511.746.113</u>

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.287.791.060 đồng (năm 2009: 1.164.310.060 đồng).

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty với các bên Tổng Công ty khí Việt Nam ("PV Gas") và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long ("Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" trên diện tích đất 7.441 m² tại

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍ

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

địa điểm số 8, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, dự án đang được triển khai xây dựng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	1.297.738.233	355.172.231
Tăng trong năm	3.128.261.823	1.380.843.645
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>(3.270.798.524)</u>	<u>(438.277.643)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.155.201.532</u>	<u>1.297.738.233</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.161.034.704	997.996.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.442.420.542
Thuế thu nhập cá nhân	591.482.953	620.797.578
	<u>3.752.517.657</u>	<u>3.061.214.222</u>

12. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình, với tỉ lệ từ 3% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	6.695.195.873	759.028.551
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	5.349.247.718	6.695.195.873
Hoàn nhập dự phòng	-	(759.028.551)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>12.044.443.591</u>	<u>6.695.195.873</u>

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện khoản vay ưu đãi từ Quỹ đầu tư phát triển của Petro Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/HĐ-DKVN ngày 12 tháng 4 năm 2006 nhằm mục đích phát triển ngành tư vấn thiết kế dầu khí với số tiền vay là 5.000.000.000 đồng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo, không phải trả lãi. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 21 tháng 4 năm 2008, tuy nhiên Petro Việt Nam vẫn chưa có kế hoạch thu hồi khoản vay này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại và đã mua	-	48.800
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>8.000.000</u>	<u>7.951.200</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 80 tỷ đồng (năm 2009: 80 tỷ đồng). Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 số 24/NQ-ĐHDCĐ ngày 19 tháng 10 năm 2010, đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm 10.000.000 cổ phần phổ thông với tổng mệnh giá phát hành là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 7.600.000 cổ phần với mệnh giá 76.000.000.000 đồng cho cổ đông hiện hữu.

Danh sách cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn đã góp	
	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	16.497.220.000	32.382.220.000
Công ty TNHH Hyundai Engineering	3.500.000.000	3.500.000.000
Ông Đỗ Đức Hiếu	<u>5.701.650.000</u>	<u>4.624.000.000</u>

Căn cứ theo Quyết định 2271/QĐ-DKVN ngày 16 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam sẽ tiến hành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần hiện đang sở hữu tại Công ty cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã hoàn tất việc bán 1.649.722 cổ phần của Công ty, và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã hoàn tất việc mua 1.649.722 cổ phần của Công ty.

1872-
HÀNH
CÔNG TY
SỞ HỮU
ĐIỀU
NAN
NỘI
CỔ CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	35.000.000.000	-	-	1.084.091.786	1.304.920.365	1.600.295.812	9.647.060.389	(1.223.963.195)	47.412.405.157
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(450.000.000)	-	-	(450.000.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	2.162.382.446	932.030.472	450.000.000	(5.178.864.721)	-	(1.634.451.803)
Vốn góp tăng trong năm	45.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	45.000.000.000
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	-	(4.141.440.000)	-	(4.141.440.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(29.507.454)	-	-	-	-	-	(29.507.454)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.714.949.191	-	14.714.949.191
Tại ngày 31/12/2009	80.000.000.000	-	(29.507.454)	3.246.474.232	2.236.950.837	1.600.295.812	15.041.704.859	(1.223.963.195)	100.871.955.091
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(440.750.000)	-	-	(440.750.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	1.504.170.485	1.504.170.485	450.000.000	(5.500.264.859)	-	(2.041.923.889)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.341.440.000)	-	(20.341.440.000)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	353.718.415	-	-	-	-	-	1.223.963.195	1.577.681.610
Chênh lệch tỷ giá	-	-	29.616.784	-	-	-	-	-	29.616.784
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	23.035.604.127	-	23.035.604.127
Tại ngày 31/12/2010	80.000.000.000	353.718.415	109.330	4.750.644.717	3.741.121.322	1.609.545.812	12.235.604.127	-	102.690.743.723

Trong năm, Công ty đã công bố chia tổng số cổ tức là 9.541.440.000 đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2009 với tỉ lệ là 12%/mệnh giá mỗi cổ phần (2009: 4.141.440.000 đồng) theo Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Toàn bộ số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông trong năm. Ngoài ra, Công ty cũng đã công bố tạm trích cổ tức là 10.800.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 3 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị của Công ty. Một phần số cổ tức với số tiền 628.241.400 đã được thanh toán cho các cổ đông trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thực hiện trích các quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính, khen thưởng, phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2009 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2010.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi	2.779.734.024	2.087.765.296
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	33.520.203
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.672.340.182	3.419.977.914
Khác	-	108.235.000
	4.452.074.206	5.649.498.413

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền vay	901.896.211	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	300.611.820	1.398.741.459
	1.202.508.031	1.398.741.459

17. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	32.727.272	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	-	759.028.551
Khác	714.461.552	685.333.448
Thu nhập khác	747.188.824	1.444.361.999
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(10.194.724)	-
Khác	(513.171.466)	(475.431.682)
Chi phí khác	(523.366.190)	(475.431.682)
Lợi nhuận khác	223.822.634	968.930.317

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	26.269.487.394	17.542.989.250
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(792.548.754)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	18.000.000	48.000.000
Thu nhập chịu thuế	26.287.487.394	16.798.440.496
<i>Hoạt động chính</i>	23.283.930.736	10.972.560.520
<i>Hoạt động khác</i>	3.003.556.658	5.825.879.976
Thuế suất ưu đãi	12,5%	12,5%
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.661.380.507	2.828.040.059
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	(427.497.239)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh	3.233.883.267	2.828.040.059



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ ngày chuyển thành công ty cổ phần và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Công ty đã đăng ký thời gian hưởng ưu đãi thuế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2006. Đây là năm thứ năm trong thời kỳ ưu đãi thuế nên Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp cho hoạt động kinh doanh chính. Đối với thu nhập từ hoạt động khác, Công ty nộp thuế với thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau.

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	23.035.604.127	14.714.949.191
Cộng: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	-	326.755.668
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.035.604.127	15.041.704.859
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	7.978.582	5.226.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.887	2.878

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	8.433.254.237	6.873.968.952

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	1.349.961.406	7.327.377.103
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	2.896.086.455
	1.349.961.406	10.223.463.558

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các cam kết thuê văn phòng và thuê đất cho mục đích xây dựng văn phòng của Công ty. Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng cho ba năm còn hợp đồng thuê đất được ký cho các giai đoạn từ 10 đến 20 năm.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	215.629.730.628	72.943.083.251
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	43.144.042.633	86.199.967.504



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Giá vốn**

Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	189.466.940.145	60.952.570.125
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>40.925.684.930</u>	<u>75.527.278.346</u>

Lãi từ ủy thác quản lý vốn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí	<u>24.000.000</u>	<u>17.196.396</u>
--	-------------------	-------------------

Đầu tư ngắn hạn - ủy thác quản lý vốn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí	<u>2.000.000.000</u>	<u>6.016.545.813</u>
--	----------------------	----------------------

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lương	4.130.531.373	1.176.416.738
Tiền thưởng	<u>672.539.600</u>	<u>354.933.195</u>
	<u>4.803.070.973</u>	<u>1.531.349.933</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải thu		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	8.963.876.399	6.351.355.388
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>841.199.350</u>	<u>-</u>
Các khoản phải trả		
Phải trả thương mại các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	4.057.561.645	2.685.761.165
Phải trả khác cho PetroViệt Nam	<u>-</u>	<u>2.177.879.082</u>
Vay		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Đầu tư ngắn hạn - ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí	<u>2.000.000.000</u>	<u>6.016.545.813</u>
Phải thu lãi ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí	<u>24.000.000</u>	<u>17.196.396</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ DẦU KHÍ

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 28 tháng 3 năm 2011.



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng

